TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲ HỢP** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **20**/2024/HSST
Ngày 28/3/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ HỢP, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Thị Thu Hà
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Minh Tường
Bà Nguyễn Thị Hường

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Kim Thị Mai – Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Hào – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 02/2024/TLST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2024/QĐXXST–HS ngày 14 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vi Thị L**; tên gọi khác: Không; Sinh ngày 06/7/1977 tại huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Xóm R, xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: lớp 3/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vi Văn D và bà Lô Thị D; Chồng: Vi Văn Ngh, con: 03 người (lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2002); Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không (Có mặt).

+ Bị hại: Bà **Vi Thị L**. Sinh năm 1967
Nơi cư trú: Xóm R, xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An (Có mặt).

+ Người làm chứng:

1. Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1973
Nơi cư trú: Xóm D, xã Ngh, huyện Q, tỉnh Nghệ An (Vắng mặt).

2. Bà **Ngô Thị Q**, sinh năm 1967
Nơi cư trú: Quyết Tiến, xã Tam Hợp, huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An (Vắng mặt).

3. Bà **Sầm Thị Th**, sinh năm 1985

Nơi cư trú: Xóm R, xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An (Vắng mặt).

4. Ông **Ngô Văn V**, sinh năm 1967

Nơi cư trú: Xóm M, xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ ngày 27/10/2023 bị cáo Vi Thị L đến nhà bà Vi Thị L (là cô ruột của chồng) để trả cuốc. Khi đến chỉ có ông H (chồng bà L) và bà K (mẹ ông H) ở nhà. Ở chơi một lúc thì ông H đi vào thung để đón bà L về. Lúc này chỉ có bị cáo L và bà K ở nhà. Bà K lúc này đang ngồi ngoài thềm nhà bếp, không đi lại được. Biết bà K không còn minh mẫn, nhà không có ai trông coi nên L nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. L đi vào gian nhà chính, rồi đi đến sau tủ gỗ đựng đồ, phát hiện thấy 01 hộp nhựa để trên bàn. L mở hộp nhựa, lấy chùm chìa khóa trong hộp nhựa rồi khóa mở khóa tủ gỗ. L phát hiện bên trong tủ gỗ có túi nilon màu đen, bên trong có chứa vàng và tiền. L lấy túi nilon đựng tiền, vàng giấu trong áo khoác nắng của mình để ở ngoài thềm rồi khóa tủ lại, bỏ chìa khóa vào hộp nhựa chỗ cũ. Sau đó L vẫn ở lại chơi tại nhà bà L. Đến 19 giờ cùng ngày ông H, bà L đi làm về nhà và mời L ở lại ăn cơm. Sau khi ăn cơm tối xong, L lấy áo khoác giấu tiền vàng trộm cắp được đưa về nhà. Sáng hôm sau L mở túi nilon kiểm tra lại tài sản trộm cắp, L đếm được số tiền 17.000.000,đ tiền mặt, 01 vòng kiềng cổ bằng vàng, 01 vòng tay bằng vàng, 01 chiếc nhẫn bằng vàng. L mang theo người toàn bộ số tiền, vàng nêu trên rồi đi xuống nhà chị Sầm Thị Th, trả nợ cho chị Sầm Thị Th 12.000.000,đ. Sau đó L đi nhờ xe máy chị Thúy xuống xã Tam Hợp, trong lúc chờ chị Thúy mua thức ăn thì L mượn xe máy chị Thúy xuống xã Nghĩa Xuân bán toàn bộ số vàng trộm cắp được cho chị Nguyễn Thị Dung được số tiền 22.000.000,đ. Bán được vàng, L quay lại chỗ chị Thúy để chị Thúy chở về nhà. Sau đó L dùng số tiền này trả nợ cho bà Ngô Thị Q 9.100.000,đ, trả nợ cho ông Ngô Văn V 7.500.000,đ.

Ngày 31/10/2023 phát hiện bị mất tài sản, bà L trình báo lên Công an huyện Quỳ Hợp giải quyết. Nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật, ngày 01/11/2023 L ra Công an xã Châu Lộc đầu thú, khai nhận về hành vi phạm tội của mình.

Bản kết luận định giá tài sản số 126/KL-HĐĐG ngày 09/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Quỳ Hợp kết luận: 01 chiếc

vòng cổ bằng vàng, loại 9999, khối lượng 02 chỉ, trị giá 11.950.000,đ; 01 vòng tay bằng vàng, loại 9999, khối lượng 01 chỉ, trị giá 6.125.000,đ; 01 nhẫn vàng, loại 9999, khối lượng 01 chỉ, trị giá 5.825.000,đ. Số vàng có tổng trị giá là 23.900.000,đ.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu đồ vật; xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an huyện Quỳ Hợp đã tạm giữ tài sản gồm: Số tiền 9.100.000,đ tại bà Ngô Thị Q, số tiền 2.900.000,đ tại bị cáo Vi Thị L. Số tiền trên hiện đang được Cơ quan điều tra Công an huyện Quỳ Hợp niêm phong gửi tại Kho bạc Nhà nước huyện Quỳ Hợp.

Về trách nhiệm dân sự:

Bà Vi Thị L yêu cầu bị cáo Vi Thị L bồi thường trị giá tài sản bị trộm cắp 40.900.000,đ. Bị cáo L đã bồi thường được số tiền 30.000.000,đ. Nay bà L yêu cầu bị cáo L phải bồi thường tiếp số tiền 10.900.000,đ.

Bản cáo trạng số 08/CT-VKS-QH ngày 08/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Hợp truy tố bị cáo Vi Thị L về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Hợp giữ quyền công tố luận tội và tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt Vi Thị L từ 15 tháng đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng 36 tháng tù; Về trách nhiệm dân sự*:* Chấp nhận sự thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo và bị hại, bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bà Vi Thị L tổng số tiền 40.900.000,đ. Khấu trừ số tiền 30.000.000,đ bị cáo L đã bồi thường, bị cáo L phải bồi thường tiếp số tiền 10.900.000,đ; Về án phí: Bị cáo Vi Thị L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo Vi Thị L nhất trí với Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát và lời luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo hối hận về hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo L đồng ý bồi thường cho bà L tổng cộng số tiền 40.900.000,đ, bị cáo đã bồi thường được số tiền 30.000.000,đ, số tiền còn lại 10.900.000,đ bị cáo đồng ý bồi thường cho bà L.

Bà Vi Thị L nhất trí như nội dung đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận thỏa thuận bồi thường giữa bà và bị cáo, để bị cáo trả lại cho bà số tiền còn thiếu 10.900.000,đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về Tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quỳ Hợp, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Hợp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ Cơ quan điều tra thu thập được tại hồ sơ vụ án; Căn cứ lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa, lời khai bị hại và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 18 giờ ngày 27/10/2023, tại nhà bà Vi Thị L tại xóm Rồng, xã Châu Lộc, huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An, bị cáo Vi Thị L có hành vi trộm cắp tài sản của bà Vi Thị L, bao gồm: Số tiền 17.000.000,đ, 01 chiếc vòng cổ bằng vàng trị giá 11.950.000,đ, 01 chiếc vòng tay bằng vàng trị giá 6.125.000,đ, 01 nhẫn bằng vàng trị giá 5.825.000,đ. Tổng trị giá tài sản Vi Thị L trộm cắp là 40.900.000,đ (bốn mươi triệu chín trăm nghìn đồng).

Hành vi trên của Vi Thị L đã phạm tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất vụ án; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi của bị cáo Vi Thị L là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên cần lên cho bị cáo mức án nghiêm tương xướng.

Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Vi Thị L không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Vi Thị L phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo tự nguyện bồi thường cho người bị hại; Sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú; Bị cáo có bố là người có công với đất nước, được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến. Đó là các tình tiết cần áp dụng để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bà Vi Thị L yêu cầu bị cáo Vi Thị L bồi thường trị giá tài sản bị trộm cắp, tổng cộng là 40.900.000,đ. Bị cáo L đã bồi thường được số tiền 30.000.000,đ. Tại phiên tòa bà bị cáo L đồng ý bồi thường cho bà L số tiền còn thiếu 10.900.000,đ. Xét thấy thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo Vi Thị L và bà Vi Thị L là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận sự thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo L và bà L để bị cáo L bồi thường cho bà L số tiền còn thiếu 10.900.000,đ.

[5] Đối với bà Nguyễn Thị Dung (là người mua lại số vàng với bị cáo L), bà Sầm Thị Th, bà Ngô Thị Q, ông Ngô Văn V (là những người được bị cáo L trả tiền nợ vay). Tuy nhiên bà Dung, bà Thúy, bà Quy, ông Việt không biết là tài sản do bị cáo L trộm cắp mà có, do đó không có căn cứ xử lý đối với bà Dung, bà Thúy, bà Quy, ông Việt.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo Vi Thị L là lao động phổ thông, không có thu nhập ổn định, không có tài sản giá trị. Do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Vi Thị L.

[7] Vật chứng vụ án: Số tiền 2.900.000,đ bị cáo L giao nộp, số tiền 9.100.000,đ cơ quan điều tra thu tại bà Ngô Thị Q cần được trả lại cho bị cáo và bị hại.

[8] Về án phí: Bị cáo Vi Thị L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt Vi Thị L **18** (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội "Trộm cắp tài sản".

Giao bị cáo Vi Thị L cho UBND xã Châu Lộc, huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An, quản lý giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho

hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự:

Công nhận sự thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo Vi Thị L và bà Vi Thị L, bị cáo Vi Thị L chịu trách nhiệm bồi thường cho bà Vi Thị L tổng số tiền 40.900.000,đ. Số tiền trên được khấu trừ trong số tiền 30.000.000,đ (ba mươi triệu đồng) bị cáo Vi Thị L đã tự nguyện bồi thường, số tiền 10.900.000,đ (mười triệu chín trăm nghìn đồng) hiện đang được Cơ quan điều tra niêm phong gửi tại kho bạc Nhà nước huyện Quỳ Hợp vào ngày 07/12/2023.

3. **Vật chứng**: Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Trả lại cho bị cáo Vi Thị L số tiền 1.100.000,đ (một triệu một trăm nghìn đồng) hiện đang được Cơ quan điều tra niêm phong gửi tại kho bạc Nhà nước huyện Quỳ Hợp ngày vào ngày 07/12/2023.

4. Án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội:

Bị cáo Vi Thị L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại. Vắng mặt những người làm chứng.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An;
-VKSND huyện Quỳ Hợp;
- Công an huyện Quỳ Hợp;
- Thi hành án dân sự;
- Thi hành án hình sự;
- Bị cáo, Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

Trương Thị Thu Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Hường Lê Minh Tường Trương Thị Thu Hà